

Bài 4. QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần :

1. Về kiến thức

– Nêu được khái niệm, nội dung quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực : hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh.

– Nêu được trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm cho công dân thực hiện quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình, trong lao động, trong kinh doanh.

2. Về kĩ năng

Biết thực hiện và nhận xét việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh.

3. Về thái độ

Có ý thức tôn trọng các quyền bình đẳng của công dân trong hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Trọng tâm kiến thức bài học

Bài có 3 đơn vị kiến thức, được thực hiện trong 3 tiết. GV cần làm rõ những nội dung trọng tâm sau đây :

– Thế nào là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình, trong lao động và trong kinh doanh.

– Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình được thể hiện ở bình đẳng giữa vợ và chồng, bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình.

– Nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động thể hiện ở bình đẳng về quyền lao động, về quyền giao kết hợp đồng lao động, đặc biệt là bình đẳng giữa lao động nữ và lao động nam. Người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao được ưu đãi, lao động nữ được quan tâm cũng được coi là bình đẳng trong lao động.

– Công dân được tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp, ngành nghề mà pháp luật không cấm để kinh doanh. Dù kinh doanh ở loại hình doanh nghiệp nào đều được bình đẳng trước pháp luật về quyền và nghĩa vụ.

– Nhà nước có trách nhiệm trong việc bảo đảm cho công dân thực hiện quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình, trong lao động và kinh doanh.

b) Một số kiến thức mới và khó

Để giảng dạy tốt bài này, GV cần tìm hiểu thêm một số kiến thức sau đây :

– Hôn nhân là sự liên kết đặc biệt giữa một nam và một nữ trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, được Nhà nước thừa nhận nhằm chung sống lâu dài và xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, *Hôn nhân* là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi đã kết hôn.

– Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau theo quy định của pháp luật.

– Quan hệ nhân thân trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình là những quan hệ phát sinh giữa các thành viên trong gia đình về những lợi ích nhân thân, như : quan hệ giữa vợ và chồng, sự yêu thương chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, việc xác định chỗ ở chung...

– Quan hệ tài sản trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình là quan hệ phát sinh giữa các thành viên trong gia đình về những lợi ích tài sản, như : quan hệ về thu nhập, sở hữu tài sản giữa vợ và chồng.

– Để bảo đảm bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ, bình đẳng giữa vợ và chồng, Luật Bình đẳng giới năm 2006 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 – 7 – 2007), tại chương IV đã quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội : bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nam, nữ, bình đẳng trong việc làm, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm và hưởng phúc lợi ; bảo đảm việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức,

người lao động trên nguyên tắc bình đẳng giới. Luật cũng quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức khác trong việc thực hiện bình đẳng giới tại cơ quan, tổ chức của mình : căn cứ vào khả năng, điều kiện của mình để tổ chức hệ thống nhà trẻ phù hợp để lao động nam, nữ, kết hợp hài hoà giữa lao động sản xuất và lao động gia đình ; hỗ trợ lao động nữ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi.

– Một trong những nội dung của bình đẳng trong lao động là công dân bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động. Từ khái niệm "Hợp đồng lao động", GV có thể khái quát, nêu ra 5 đặc điểm của hợp đồng lao động :

+ Chủ thể của hợp đồng lao động bao giờ cũng là người lao động và người sử dụng lao động.

+ Giữa người lao động và người sử dụng lao động có mối quan hệ pháp lí ràng buộc trong quan hệ hợp đồng lao động.

+ Hợp đồng lao động phải do chính người lao động và người sử dụng lao động thực hiện.

+ Sự thoả thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng lao động phải trong khuôn khổ các quy định của pháp luật.

+ Hợp đồng lao động được thực hiện liên tục trong một khoảng thời gian nhất định, trừ trường hợp tạm dừng theo thoả thuận của các bên, do hoàn cảnh khách quan hoặc do pháp luật quy định.

Cần tìm hiểu một số thuật ngữ sau :

– *Doanh nghiệp* là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng kí kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

– *Góp vốn* là việc đưa tài sản vào công ti để trở thành chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của công ti. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kĩ thuật, các tài sản khác ghi trong Điều lệ công ti do thành viên góp để tạo thành vốn của công ti.

– *Doanh nghiệp nhà nước* là doanh nghiệp trong đó Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

– *Vốn điều lệ* là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ti.

– *Phần vốn góp* là tỉ lệ vốn mà chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu chung của công ty góp vào vốn điều lệ.

– *Cổ đông* là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty cổ phần.

– *Doanh nghiệp tư nhân* là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp tư nhân không được phát hành bất kì loại chứng khoán nào.

Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một doanh nghiệp tư nhân.

– *Công ty cổ phần* là doanh nghiệp, trong đó :

+ Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần ;

+ Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân ; số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa ;

+ Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp ;

+ Cổ đông có thể chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp pháp luật quy định khác như cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác...

– *Công ty trách nhiệm hữu hạn* bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên :

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu.

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp, trong đó thành viên có thể là tổ chức, cá nhân ; số lượng thành viên không vượt quá năm mươi.

Công ty trách nhiệm hữu hạn không được quyền phát hành cổ phần.

2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

a) Phương pháp dạy học

Trong bài này lượng kiến thức nhiều, nhất là mục bình đẳng trong hôn nhân và gia đình, GV cần sử dụng đa dạng và kết hợp các phương pháp dạy học : phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp vấn đáp, phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp hoạt động theo nhóm nhỏ và phương pháp

đóng vai... Đối với mục 1 và 2, là những kiến thức HS đã có những hiểu biết nhất định, GV nên sử dụng phương pháp hoạt động theo nhóm nhỏ, phương pháp vấn đáp, sắm vai để phát huy tính chủ động, tích cực của HS. Đối với mục 3 có nhiều kiến thức mới, khó, vốn kiến thức của HS ít, do đó nên sử dụng phương pháp thuyết trình, giải quyết vấn đề, phương pháp động não và hoạt động nhóm nhỏ.

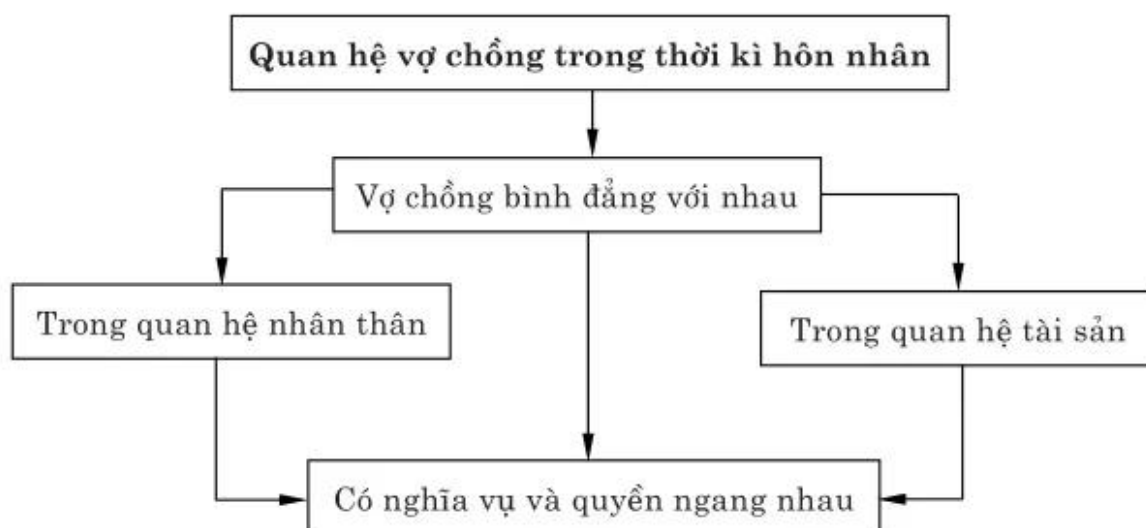
b) Hình thức tổ chức dạy học

Bài này có thể tổ chức học theo lớp, theo nhóm, học cá nhân.

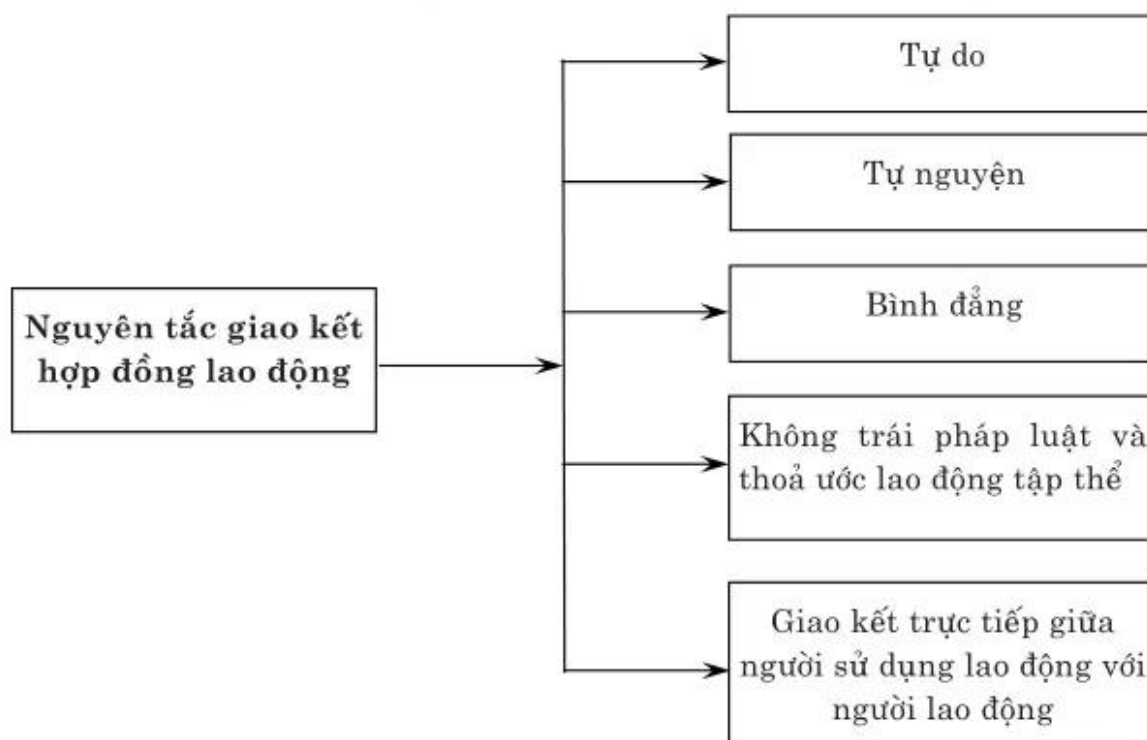
3. Về phương tiện dạy học

- SGK, SGV Giáo dục công dân 12 ;
- Sách tham khảo : Tình huống Giáo dục công dân 12 ; Bài tập trắc nghiệm Giáo dục công dân 12 ;
- Băng hình, đầu video, máy chiếu ;
- Máy vi tính (nếu sử dụng giáo án điện tử) ;
- Giấy khổ to, bút dạ để thảo luận theo nhóm ;
- Những câu chuyện, tiểu phẩm, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học ;
- Một số luật, bộ luật hiện hành liên quan đến nội dung bài học ;
- Có thể sử dụng một số sơ đồ sau :

Sơ đồ thể hiện quan hệ vợ, chồng trong thời kì hôn nhân



Sơ đồ thể hiện nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động



4. Về kiểm tra, đánh giá

a) Gợi ý trả lời một số câu hỏi và làm bài tập trong SGK

* Các câu trong phần II – Nội dung bài học

Điểm b, mục 1 :

– Câu 1 : Tình trạng bạo lực trong gia đình mà nạn nhân thường là phụ nữ và trẻ em là vấn đề đang được quan tâm ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Đây chính là biểu hiện của bất bình đẳng, vì :

+ Bạo lực trong gia đình là biểu hiện tư tưởng đặc quyền của nam giới trong gia đình. Người chồng, người cha tự cho mình có quyền đối xử tàn bạo, bất công với vợ, con, làm cho họ phải chịu những tổn thương nặng nề về thân thể, bị khủng bố về tinh thần, lo sợ, hoang mang, sự yên ổn trong gia đình luôn bị đe dọa.

+ Bạo lực trong gia đình thể hiện cách ứng xử không bình đẳng, thiếu dân chủ trong gia đình khiến phụ nữ và trẻ em phải chịu thiệt thòi. Đó là hành vi vi phạm các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và Luật Bình đẳng giới về

bình đẳng giữa vợ và chồng, bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình. Do đó, bạo lực trong gia đình cần phải bị lên án và xử lý thật nghiêm khắc.

– Câu 2 : Người vợ có quyền phản đối, không đồng ý bán xe ô tô bởi đó là tài sản chung của vợ và chồng đang sử dụng vào việc kinh doanh của gia đình. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nước ta, việc mua, bán liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn hoặc là nguồn sống duy nhất của gia đình phải được bàn bạc, thoả thuận của cả vợ và chồng.

– Câu 3 : Trong thực tế đã có cha mẹ ngược đãi hoặc xúi giục, ép buộc con làm việc trái đạo đức, trái pháp luật. Nếu rơi vào hoàn cảnh đó, cần tới sự giúp đỡ của những người thân trong gia đình như ông bà, cô chú ; của thầy cô, bạn bè ; của chính quyền địa phương, của các tổ chức đoàn thể...

Điểm b, mục 2 :

Trong thực tế có một số doanh nghiệp ngại nhận lao động nữ vào làm việc, vì vậy cơ hội tìm việc làm của lao động nữ khó khăn hơn lao động nam. Đó là biểu hiện sự phân biệt đối xử trong lao động, mặc dù pháp luật có nhiều quy định để bảo đảm cho phụ nữ bình đẳng với nam giới trong lao động. Do đó, cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật ; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật lao động đặc biệt là vi phạm các quy định đối với việc tuyển dụng, nâng lương, điều kiện làm việc của lao động nữ... Mặt khác, lao động nữ cần chủ động học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nghề nghiệp, đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trong mỗi giai đoạn phát triển của đất nước.

Điểm a, mục 3 :

Nhà nước ta thừa nhận doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tồn tại và phát triển ở những ngành, những lĩnh vực then chốt, quan trọng của nền kinh tế quốc dân không vi phạm nguyên tắc bình đẳng trong kinh doanh vì :

Hiện nay, chúng ta đang xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa có sự điều tiết của Nhà nước, các thành phần kinh tế đều được khuyến khích phát triển, các doanh nghiệp đều bình đẳng với nhau trong hoạt động kinh doanh và bình đẳng trước pháp luật. Sự bình đẳng trước pháp luật của các thành phần kinh tế không có nghĩa là chúng có vị trí như nhau trong nền kinh tế. Trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, phạm vi và lĩnh vực hoạt động của kinh tế quốc doanh sẽ

thu hẹp lại nhưng nó vẫn giữ vai trò chủ đạo bởi nó tồn tại và phát triển ở những ngành, những lĩnh vực then chốt, quan trọng của nền kinh tế. Nhà nước phải có những doanh nghiệp nhà nước ở những lĩnh vực quan trọng để đủ sức thực hiện chức năng điều tiết vĩ mô, can thiệp vào thị trường khi cần thiết để khắc phục những khuyết tật của nền kinh tế thị trường. Doanh nghiệp nhà nước chính là công cụ vật chất của Nhà nước để Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế thị trường.

Doanh nghiệp nhà nước còn phải duy trì và phát triển ở những ngành, những lĩnh vực kinh doanh mang lại ít lợi nhuận hoặc không có lợi nhuận để đảm bảo nhu cầu chung của nền kinh tế, đảm bảo lợi ích công cộng. Nhà nước còn phải đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh đòi hỏi vốn lớn mà các thành phần kinh tế khác không đủ sức đầu tư. Như vậy, doanh nghiệp nhà nước không chỉ được thành lập để thực hiện hoạt động kinh doanh (thực hiện các mục tiêu kinh tế) mà còn được thành lập để thực hiện hoạt động công ích (thực hiện các mục tiêu xã hội) đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế nước ta. Do đó, doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo nhưng không vi phạm nguyên tắc bình đẳng trong kinh doanh. Tuy nhiên, pháp luật của Nhà nước ngày càng có những quy định giảm dần sự cách biệt giữa doanh nghiệp nhà nước với các loại hình doanh nghiệp khác.

Điểm c, mục 3 :

Chính sách bình đẳng giới ở nước ta quy định "ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ" không mâu thuẫn với quy định nam, nữ bình đẳng trong kinh doanh bởi phụ nữ ngoài tham gia lao động, sản xuất, kinh doanh còn có chức năng làm mẹ, làm vợ. Chính sách trên nhằm tạo cơ hội cho phụ nữ bình đẳng với nam giới trong kinh doanh, giúp người phụ nữ giỏi việc nước – đảm việc nhà.

** Các câu trong phần IV – Câu hỏi và bài tập*

Câu 2 :

Việc pháp luật thừa nhận quyền sở hữu tài sản riêng của vợ, chồng không mâu thuẫn với nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng vì vợ, chồng có tài sản chung và mỗi bên có thể có tài sản riêng. Tài sản riêng không bắt buộc phải có. Thừa nhận sở hữu riêng của vợ, chồng cũng nhằm mục đích củng cố quan hệ vợ, chồng đồng thời tôn trọng, bảo đảm tự do ý chí cá nhân trong hôn nhân và

gia đình. Mỗi bên vợ – chồng còn có những quan hệ gắn bó với người thân thuộc, bạn bè cần được đùm bọc, chu cấp. Khi cần phải chu cấp, đùm bọc cho ai, không cần phải giấu giếm, nói dối nhau do không phải sử dụng tới tài sản chung.

Câu 3 :

Quy tắc đạo đức và cách xử sự của các thành viên trong gia đình hiện nay có điểm khác so với gia đình truyền thống trước đây :

– Hệ thống quy tắc đạo đức chỉ đạo mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình truyền thống đã chịu ảnh hưởng khá sâu sắc của hệ tư tưởng Nho giáo, phong kiến lâu đời ở Việt Nam. Đó là : kính trên nhường dưới, lợi ích cá nhân phục tùng lợi ích gia đình và dòng họ ; lòng biết ơn cha mẹ, lấy chữ hiếu làm đầu ; kính trọng ông bà, thờ phụng tổ tiên ; sự đùm bọc lẫn nhau giữa anh em cùng gia đình, cùng dòng họ.

– Tư tưởng trọng nam, khinh nữ thống trị trong gia đình, đẩy người phụ nữ, người vợ, người con gái vào địa vị thấp hèn, bị phụ thuộc, chịu sự bất bình đẳng cả về mặt vật chất và tinh thần. Gia đình đề cao đạo đức chung thủy giữa vợ và chồng nhưng lại chấp nhận chế độ đa thê. Đồng thời, tư tưởng gia trưởng đề cao vai trò của người con trưởng cả về quyền lợi lẫn trách nhiệm làm cho các con thứ phải chịu thiệt thòi. *Mô hình gia đình lí tưởng* lúc này là gia đình ăn ở thuận hoà, trên dưới có nền nếp, tôn ti trật tự rõ ràng, lễ nghĩa được tôn trọng, lăm con, nhiều cháu.

– Gia đình Việt Nam hiện nay vẫn rất coi trọng lòng chung thủy, đạo đức tình nghĩa vợ và chồng, đề cao lòng hiếu thảo của con cái, sự kính trọng, biết ơn của con cháu với ông bà, tổ tiên. Việc giữ gìn, phát huy những giá trị đạo đức truyền thống nói trên được bổ sung kịp thời với việc tiếp thu những tư tưởng tiên tiến của nhân loại. Đó là việc coi trọng quyền tự do dân chủ của con người bất kể là trai hay gái, già hay trẻ, tôn trọng sự bình đẳng giữa nam, nữ, tôn trọng lợi ích cá nhân của mỗi thành viên. Các thành viên trong gia đình có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chăm lo đời sống chung của gia đình.

Câu 5 :

Nhà nước có những quy định riêng trong *Bộ luật Lao động* đối với lao động nữ ở chương X và lao động có trình độ chuyên môn, kĩ thuật cao ở mục IV chương XI. Việc pháp luật quy định ưu đãi đối với người có trình độ chuyên môn,

kỹ thuật cao và quy định không sử dụng lao động nữ vào các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại có ảnh hưởng xấu đến chức năng sinh đẻ và nuôi con không vi phạm nguyên tắc công dân bình đẳng trong lao động mà chính là thể hiện của sự bình đẳng trong lao động. Bởi vì : Lao động nữ cần được quan tâm đến đặc điểm về cơ thể, sinh lí và chức năng làm mẹ trong lao động ; Người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao được Nhà nước và người sử dụng lao động ưu đãi như : tạo điều kiện thuận lợi trong công tác, trả lương cao, được tạo điều kiện học tập công tác ở trong và ngoài nước,... để không ngừng phát huy tài năng có lợi cho doanh nghiệp và có lợi cho đất nước.

Câu 8 :

Lựa chọn câu trả lời đúng trong các bài tập trắc nghiệm :

Câu 8.1 : Đáp án đúng là c, g ;

Câu 8.2 : Đáp án đúng là c, d, e ;

Câu 8.3 : Đáp án đúng là b, d, e.

b) Gợi ý kiểm tra, đánh giá

Bên cạnh những câu hỏi kiểm tra nhận thức, thái độ của HS, GV cần sưu tầm hoặc xây dựng các bài tập tình huống để đánh giá khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống của HS, đồng thời giáo dục HS ý thức tôn trọng, thực hiện pháp luật và đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ví dụ :

1. Em có đồng ý với quan điểm cho rằng, bình đẳng giới trong gia đình, đẩy lùi, tiến tới xóa bỏ bạo lực trong gia đình là việc làm quan trọng để thực hiện bình đẳng trong hôn nhân và gia đình không ? Vì sao ?

2. Trong lớp em, bạn A thường xuyên nghỉ học không lí do. Tìm hiểu nguyên nhân, em được biết nhân dịp Tết, bố mẹ A sản xuất rượu giả để bán kiếm lời và bắt A nghỉ học để tham gia. Em làm gì để giúp bạn A ? Nếu bản thân em rơi vào hoàn cảnh đó, em phải làm gì ?

3. Hãy xem xét các quan điểm sau, quan điểm nào là đúng đắn, quan điểm nào là sai ? Vì sao ?

– Chỉ có Nhà nước mới tạo ra được việc làm cho mọi người trong xã hội.

– Tạo ra công việc cho con cái chính là trách nhiệm của cha mẹ, cô dì, chú bác trong gia đình.

– Tạo ra việc làm chính là trách nhiệm của công dân, gia đình và xã hội.

4. Có ý kiến cho rằng, trong lĩnh vực kinh doanh, phụ nữ không thể thành đạt như nam giới.

Quan điểm của em về ý kiến này ?

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở bài

– *Phương án 1* : GV có thể mở bài bằng cách nêu vấn đề : Trong bài trước, các em đã hiểu được thế nào là công dân bình đẳng trước pháp luật. Vậy công dân bình đẳng trước pháp luật trong những lĩnh vực nào của đời sống xã hội ? Nhà nước có vai trò quan trọng như thế nào trong việc đảm bảo cho công dân thực hiện quyền bình đẳng đó trên thực tế ? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu những nội dung đó qua Bài 4.

Hoặc : Chúng ta, ai cũng mong ước được sống trong một gia đình, một xã hội mà ở đó mọi người được bình đẳng với nhau về cơ hội học tập, lao động, cống hiến nhằm xây dựng gia đình hoà thuận, tiến bộ, hạnh phúc, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Nguyện vọng chính đáng đó đã được Nhà nước ta thừa nhận và bảo đảm thực hiện trên thực tế. Vậy, quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội được thể hiện như thế nào ? Tìm hiểu quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực hôn nhân, gia đình, lao động và kinh doanh sẽ giúp chúng ta giải đáp được phần nào câu hỏi đó.

– *Phương án 2* : GV có thể sử dụng tình huống pháp luật, truyện đọc, tư liệu có nội dung liên quan đến bài học để tạo ra tình huống có vấn đề, tạo hứng thú cho HS khi vào bài.

2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

a) *Dạy học đơn vị kiến thức 1 : Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.*

* *Mức độ kiến thức*

HS hiểu :

– Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là gì.

– Một trong những nguyên tắc của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta là bình đẳng : bình đẳng giữa vợ và chồng, bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình.

– Bình đẳng trong hôn nhân được thể hiện trong quan hệ giữa vợ và chồng : vợ, chồng có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình.

– Bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình thể hiện ở việc đối xử công bằng, dân chủ và tôn trọng lẫn nhau.

– Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình được pháp luật quy định và được Nhà nước bảo đảm thực hiện.

** Cách thực hiện*

– *Đối với điểm a* : Thế nào là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình ?

GV giải thích cho HS thấy được hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi đã kết hôn. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các chức năng sinh con, nuôi dạy con và tổ chức đời sống vật chất, tinh thần của gia đình.

Trên cơ sở đó, GV giúp HS hiểu thế nào là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.

– *Đối với điểm b* : Nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.

Bình đẳng giữa vợ và chồng

Nội dung quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng bao gồm các quyền và nghĩa vụ nhân thân, các quyền và nghĩa vụ tài sản. Thế nào là quan hệ nhân thân, quan hệ tài sản giữa vợ và chồng ?

+ Quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng là những quyền và nghĩa vụ mang yếu tố tình cảm gắn liền với bản thân vợ, chồng, không thể chuyển giao cho người khác được, như vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, yêu thương, quý trọng nhau, bình đẳng về nghĩa vụ nuôi dạy con, có quyền lựa chọn nghề nghiệp chính đáng, nơi cư trú...

+ Quyền và nghĩa vụ về tài sản giữa vợ và chồng bao gồm : quyền sở hữu tài sản, quyền thừa kế, quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng.

GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm hoặc phương pháp động não để tổ chức học tập cho HS theo câu hỏi :

- Mối quan hệ giữa vợ và chồng hiện nay có những nét đổi mới gì so với truyền thống ?

- Bình đẳng giữa vợ chồng được Hiến pháp nước ta quy định từ năm 1946. Hiện nay, sự bình đẳng giữa vợ và chồng còn tồn tại bất cập gì không ?

+ Đại diện các nhóm trình bày, trao đổi tranh luận giữa các nhóm.

+ GV liệt kê tất cả các ý kiến, phân loại ý kiến, làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ và cùng HS tìm ra kiến thức đúng.

+ GV cho HS giải quyết tình huống trong quan hệ tài sản (có thể sử dụng phương pháp sắm vai).

+ GV có thể tóm tắt lại các nội dung chính bằng sơ đồ thể hiện quan hệ vợ chồng trong thời kì hôn nhân.

+ Kết luận : Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình.

Bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình.

Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình ; quan hệ giữa cha mẹ và con ; giữa ông bà và cháu ; giữa anh, chị, em với nhau được thực hiện trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, đối xử với nhau công bằng, dân chủ, cùng nhau chăm lo đời sống chung của gia đình.

+ GV giải thích cho HS thấy được nội dung quan hệ pháp lí giữa cha mẹ và con bao gồm những quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con và của con đối với cha mẹ. Bài học đề cập chủ yếu đến quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, con cái. Hiện nay, do thực hiện kế hoạch hoá gia đình, quy mô gia đình từ 1 đến 2 con tạo điều kiện cho cha mẹ quan tâm đến con cái. Tuy nhiên, việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ, lợi ích giữa các thành viên trong gia đình (giữa vợ chồng, cha mẹ và con, ông bà và cháu) là một vấn đề lớn. Có gia đình do hoàn cảnh khó khăn đã lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên hoặc xúi giục, ép buộc con làm điều trái đạo đức, trái pháp luật (câu hỏi 3 trong điểm b). Vì vậy, chỉ có trên cơ sở tình thương và ý thức trách nhiệm của mọi người, với sự thông cảm lẫn nhau, có cách ứng xử dân chủ và công bằng mới giải quyết tốt những vấn đề va vấp, nảy sinh không thể tránh khỏi trong cuộc sống thường ngày. Ở đây, những người chủ gia đình, chồng và vợ, cha và mẹ có vai trò quyết định trong việc củng cố, xây dựng sự đoàn kết của gia đình.

+ Kết luận : Các thành viên trong gia đình có quyền được hưởng sự chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ quan tâm, chăm lo đời sống chung của gia đình.

– *Đối với điểm c* : Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.

Nhà nước có chính sách, biện pháp tạo điều kiện để các công dân nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, xây dựng mối quan hệ bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình ; vận động xoá bỏ phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình ; phát huy truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc văn hoá của dân tộc, đồng thời xử lí nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật hôn nhân và gia đình.

+ GV có thể cho HS giải quyết một số vấn đề xảy ra trong thực tế liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình (sử dụng phương pháp động não, phương pháp thảo luận nhóm) như :

- *Chế độ phong kiến trước đây công nhận chế độ đa thê* : "Nam thì năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ lấy một chồng"...

- *Hiện nay, Luật Hôn nhân và gia đình chỉ cho phép và bảo vệ chế độ một vợ một chồng*, nhưng tư tưởng này có còn ảnh hưởng tới nam giới không ? Biểu hiện ra sao ? Theo quy định của *Luật Hôn nhân và gia đình*, người vi phạm bị xử lí như thế nào ?

+ HS tham gia ý kiến hoặc thảo luận.

+ GV phân tích để HS thấy được, thực tế nước ta hiện nay còn ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến, vẫn còn hiện tượng nam giới vi phạm pháp luật, lấy hai, ba vợ nhưng không đăng kí kết hôn. Vì vậy, để các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình được thực hiện, Nhà nước đóng vai trò quan trọng (như được nêu trong SGK).

+ GV kết luận : Nhà nước bảo đảm cho quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình được thực hiện. Cùng với Nhà nước, từng thành viên trong gia đình cần tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình để xây dựng gia đình hoà thuận, ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

b) Dạy học đơn vị kiến thức 2 : Bình đẳng trong lao động.

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được :

– Thế nào là bình đẳng trong lao động.

– Công dân được thực hiện quyền lao động một cách bình đẳng, không bị phân biệt đối xử ; người lao động có trình độ chuyên môn, kĩ thuật cao được ưu đãi.

– Sự cần thiết của giao kết hợp đồng lao động và nguyên tắc trong giao kết hợp đồng lao động là một trong những yếu tố quan trọng để công dân thực hiện quyền bình đẳng trong lao động.

– Lao động nữ được quan tâm để có điều kiện thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ lao động. Nhà nước có chính sách và biện pháp để bảo đảm cho phụ nữ bình đẳng với nam giới trong lao động.

– Nhà nước có chính sách và các biện pháp bảo đảm cho công dân bình đẳng trong lao động.

** Cách thực hiện*

– *Đối với điểm a* : Thế nào là bình đẳng trong lao động ?

GV có thể nêu vai trò của lao động đối với con người và xã hội : Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người, tạo ra của cải vật chất và giá trị tinh thần cho xã hội, từ đó giúp HS hiểu được bình đẳng trong lao động là gì và ý nghĩa của việc pháp luật nước ta thừa nhận sự bình đẳng của công dân trong lao động.

– *Đối với điểm b* : Nội dung cơ bản của quyền bình đẳng trong lao động.

Nội dung 1 : Công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.

+ GV cho HS trao đổi, trả lời câu hỏi trong SGK. Qua quan điểm của HS trước một hiện tượng xảy ra trong thực tế, GV có thể đưa HS đến trước tình huống có vấn đề : Nếu là chủ doanh nghiệp, em có yêu cầu gì khi tuyển dụng lao động ? Vì sao ?

Từ đó, GV dẫn dắt HS vào nội dung quyền bình đẳng trong lao động : Việc làm là vấn đề mấu chốt đầu tiên để người lao động thực hiện quyền lao động của mình. Pháp luật quy định mọi công dân đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, không bị phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, tôn giáo..., đó là cơ sở để công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.

+ Tuy công dân thực hiện quyền lao động trên cơ sở bình đẳng, nhưng để có việc làm, công dân, dù nam hay nữ cần có ý thức trong việc học nghề và nâng cao trình độ nghề nghiệp, bởi người sử dụng lao động rất quan tâm đến năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc nên rất cần người lao động có tay nghề giỏi, trình độ chuyên môn, kĩ thuật cao.

+ Những ưu đãi đối với người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao không bị coi là phân biệt đối xử trong sử dụng lao động.

Nội dung 2 : Công dân bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.

+ GV có thể nêu ví dụ cụ thể về giao kết hợp đồng lao động cho HS tìm hiểu.

Ví dụ : Anh An đến công ti may kí hợp đồng lao động với giám đốc công ti. Qua trao đổi từng điều khoản, hai bên đã thoả thuận kí hợp đồng dài hạn (việc kí kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào). Các nội dung thoả thuận như sau :

- Công việc anh An phải làm là thiết kế các mẫu quần áo.
- Thời giờ làm việc : Mỗi ngày 8 giờ, mỗi tuần 40 giờ.
- Thời giờ nghỉ ngơi : Được nghỉ các thời gian trong ngày ngoài giờ làm việc theo hợp đồng, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ ốm... theo quy định của pháp luật.
- Tiền lương, giám đốc trả mỗi tháng 1 triệu 500 ngàn đồng Việt Nam trên cơ sở chấp hành tốt kỉ luật lao động theo quy định.
- Địa điểm làm việc...
- Thời hạn hợp đồng...
- Điều kiện an toàn, vệ sinh lao động...
- Bảo hiểm xã hội của anh An : Anh An trích mỗi tháng 5% tổng thu nhập hàng tháng để đóng bảo hiểm xã hội.

+ Qua ví dụ, GV đặt câu hỏi cho HS : *Hợp đồng lao động là gì ? Tại sao người lao động và người sử dụng lao động phải kí kết hợp đồng lao động ?*

+ GV có thể cho HS thảo luận hoặc đưa đáp án chưa đầy đủ (sử dụng máy chiếu) cho HS bổ sung ; tóm tắt nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động bằng sơ đồ cho HS dễ nhớ.

+ Kết luận : Khi giao kết hợp đồng lao động đã thể hiện sự ràng buộc trách nhiệm giữa người lao động với tổ chức hoặc cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động. Nội dung hợp đồng lao động là cơ sở pháp lí để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cả hai bên, đặc biệt là đối với người lao động.

Hiểu biết về hợp đồng lao động, nắm vững nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động là điều kiện để công dân bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của

bản thân khi tham gia vào quá trình lao động, đồng thời tham gia đấu tranh chống các vi phạm pháp luật trong lao động đã và đang diễn ra ở một số doanh nghiệp.

Nội dung 3 : Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.

+ GV phân tích cho HS : Quyền lao động của công dân được thực hiện trên cơ sở không phân biệt giới tính. Nhưng với lao động nữ, do một số đặc điểm về cơ thể, sinh lí và chức năng làm mẹ nên pháp luật có quy định cụ thể, có chính sách để lao động nữ có điều kiện thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ lao động. Tuy nhiên, phụ nữ cần phải nâng cao trình độ về mọi mặt để khẳng định được vị trí của mình trong xã hội.

+ HS nêu một số tấm gương tiêu biểu của phụ nữ trong lao động đã góp phần to lớn vào sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta hiện nay.

– *Đối với điểm c* : Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trong lao động.

+ GV giúp HS nêu và phân tích một số quy định của pháp luật để bảo đảm cho công dân bình đẳng trong lao động.

+ GV kết luận : Bình đẳng trong lao động không thể có được trong các xã hội duy trì chế độ người bóc lột người. Trong chủ nghĩa tư bản, C. Mác cho rằng : "Lao động bị tha hoá", bởi lao động tách con người ra khỏi động vật, nhưng đến thời kì lao động làm thuê, kết quả lao động quay trở lại áp bức chính người lao động. Pháp luật về lao động ở nước ta hiện nay không chấp nhận sự bất bình đẳng trong lao động. Nhiệm vụ của HS hiện nay là học tập để nâng cao trình độ văn hoá, có ý thức phấn đấu để trở thành người lao động có trình độ chuyên môn, kĩ thuật cao, năng động sáng tạo trong lao động dù ở bất kì cương vị nào. Có như vậy mới đáp ứng được đòi hỏi của quá trình hội nhập quốc tế và sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

c) Dạy học đơn vị kiến thức 3 : Bình đẳng trong kinh doanh.

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được :

– Thế nào là bình đẳng trong kinh doanh.

– Nước ta hiện nay phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước định hướng xã hội chủ nghĩa,

do đó, các quan hệ kinh tế giữa các doanh nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự do, bình đẳng, cùng có lợi và tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật.

– Công dân có quyền lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp với điều kiện, khả năng của mình. Khi tham gia kinh doanh ở bất cứ loại hình doanh nghiệp nào, công dân được bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, được pháp luật bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

– Nhà nước quy định và bảo vệ quyền bình đẳng của mọi công dân, của mọi thành phần kinh tế trong kinh doanh. Tuy nhiên, sự nỗ lực của các doanh nghiệp để nâng cao sức cạnh tranh cũng rất quan trọng.

** Cách thực hiện*

– *Đối với điểm a* : Thế nào là bình đẳng trong kinh doanh.

+ GV cần giúp HS nhớ lại những kiến thức đã được học từ lớp 11 về nền kinh tế thị trường, về các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, GV phân tích cho HS thấy trong nền kinh tế thị trường, các hình thức tổ chức kinh doanh tồn tại đa dạng, phong phú, tham gia tích cực vào cạnh tranh. Để bảo vệ lợi ích của các chủ thể kinh doanh và của Nhà nước trong các quan hệ kinh tế, pháp luật ghi nhận sự bình đẳng của các chủ thể (cá nhân, tổ chức) trong kinh doanh.

+ HS trả lời câu hỏi cuối điểm a) để HS thấy được trong quá trình kinh doanh, các doanh nghiệp đều bình đẳng trước pháp luật nhưng doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo để đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

+ **Kết luận** : Hiện nay, nước ta đang xây dựng và phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, các thành phần kinh tế đều được khuyến khích phát triển, các doanh nghiệp đều bình đẳng với nhau trong hoạt động kinh doanh và bình đẳng trước pháp luật.

– *Đối với điểm b* : Nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh.

+ GV lưu ý 5 nội dung này cụ thể hoá kiến thức ở điểm a) Sự bình đẳng trong kinh doanh được thể hiện ở quyền bình đẳng trước pháp luật của công dân và các loại hình doanh nghiệp. Trong nội dung thứ nhất, GV cần khai thác quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh của công dân trên cơ sở tùy theo "sở thích và khả năng", "có đủ điều kiện". Điều đó có nghĩa là không

phải bất kì ai cũng có thể tham gia vào quá trình kinh doanh. Chỉ có những cá nhân và tổ chức có đủ điều kiện về tài sản, về chuyên môn, về tinh thần mới có thể được Nhà nước cho phép hoạt động kinh doanh. Trong 4 nội dung còn lại, GV có thể thông qua sơ đồ tóm tắt quyền bình đẳng của các loại hình doanh nghiệp để HS tìm ra nội dung chính : Công dân, dù kinh doanh ở loại hình doanh nghiệp nào thì trong quá trình kinh doanh, đều bình đẳng trước pháp luật về quyền và nghĩa vụ. Bình đẳng về quyền thể hiện ở những điểm nào ? Bình đẳng về nghĩa vụ thể hiện ở những điểm nào ?

+ Kết luận : GV có thể tóm tắt các nội dung chính của quyền bình đẳng trong kinh doanh của các doanh nghiệp, qua đó giúp HS hiểu công dân tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp để tổ chức kinh doanh. Dù lựa chọn loại hình doanh nghiệp nào đều có các quyền sau : tự chủ đăng kí kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm ; bình đẳng trong việc khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh ; bình đẳng trong lựa chọn loại hình tổ chức kinh doanh ; bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình kinh doanh.

– *Đối với điểm c* : Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng trong kinh doanh.

+ GV cho HS tìm hiểu vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng trong kinh doanh bằng phương pháp vấn đáp – giải thích. GV đưa ra câu hỏi kèm theo ví dụ minh họa để HS dễ hiểu như :

- Hiện nay nước ta có những loại hình doanh nghiệp nào ? Hãy kể tên những loại hình doanh nghiệp mà em biết.
- Vì sao Nhà nước lại thừa nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình doanh nghiệp ở nước ta ?
- Vì sao Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp của mọi loại hình doanh nghiệp ?

+ GV có thể lấy ví dụ minh họa thông qua ví dụ quyền bình đẳng trước pháp luật của doanh nghiệp tư nhân với các doanh nghiệp khác.

+ Kết luận : Quyền tự do, bình đẳng trong kinh doanh cần phải được Nhà nước bảo đảm thực hiện. Bên cạnh sự hỗ trợ của Nhà nước, các doanh nghiệp cần chủ động tìm kiếm thị trường, phát triển thương hiệu... để nâng cao sức cạnh tranh của mình.

3. Phần củng cố

– GV tổ chức cho HS làm bài tập trắc nghiệm sau mỗi tiết dạy để HS hiểu đầy đủ nội dung quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh.

– GV tổ chức cho HS thảo luận bài tập 9 hoặc những vấn đề nêu ra trong phần gợi ý kiểm tra, đánh giá, qua đó giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống xã hội đặt ra.

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. "...Mọi doanh nghiệp, mọi công dân được đầu tư kinh doanh theo các hình thức do luật định và được pháp luật bảo vệ. Mọi tổ chức kinh doanh theo các hình thức sở hữu khác nhau hoặc đan xen hỗn hợp đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng và là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa..."⁽¹⁾

2. Hiến pháp năm 1992

Điều 22

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, đều bình đẳng trước pháp luật, vốn và tài sản hợp pháp được Nhà nước bảo hộ...

Điều 63 (trích)

Công dân nam nữ có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình.

... Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương ngang nhau. Lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản...

3. Bộ luật Lao động (sửa đổi, bổ sung năm 2007)

Điều 5 (trích)

1. Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp, học nghề và nâng cao trình độ nghề nghiệp, không bị phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam : Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 188.

Điều 109 (trích)

1. Nhà nước bảo đảm quyền làm việc của phụ nữ bình đẳng về mọi mặt với nam giới, có chính sách khuyến khích người sử dụng lao động tạo điều kiện để người lao động nữ có việc làm thường xuyên, áp dụng rộng rãi chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không trọn ngày, không trọn tuần, giao việc làm tại nhà.

4. Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Điều 151. *Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình*

Người nào ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

5. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007

Điều 2. *Các hành vi bạo lực gia đình* (trích)

1. Các hành vi bạo lực gia đình bao gồm :

a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng ;

b) Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm ;

c) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu ; giữa cha, mẹ và con ; giữa vợ và chồng ; giữa anh, chị, em với nhau ;

d) Cưỡng ép tảo hôn ; cưỡng ép kết hôn, li hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ ;

e) Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính.

Điều 42. *Xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình*

1. Người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỉ luật

hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự ; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

6. Chủ tịch Hồ Chí Minh

"Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải cải tạo xã hội cũ thành một xã hội mới, một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động, ai làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng"⁽¹⁾.